

MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÍNH QUYỀN PHÁP VÀ CHẾ ĐỘ QUAN LANG Ở TỈNH HÒA BÌNH THỜI PHÁP THUỘC

(tiếp theo và hết)

TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA*

Tóm tắt: Bài viết trình bày về tổ chức bộ máy quản lý hành chính tỉnh Hòa Bình, một tỉnh mới được hình thành dưới thời Pháp thuộc. Bộ máy hành chính này ngoài hệ thống của Pháp, hệ thống Nam triều như các tỉnh khác ở Bắc Kỳ, còn hiện diện hệ thống quản lý truyền thống của người Mường, đứng đầu là các quan lang. Mặc dù có những hạn chế trong bộ máy quản lý, người Pháp vẫn chấp nhận duy trì và lợi dụng chế độ lang đạo của người Mường nhằm bảo đảm sự ổn định xã hội mà không cần đầu tư nhiều nguồn lực của chính quyền Pháp. Bài viết sẽ làm rõ mối quan hệ giữa chính quyền Pháp và chế độ lang đạo tỉnh Hòa Bình trước năm 1945.

Từ khóa: tỉnh Hòa Bình, chế độ lang đạo, quan lang

Abstract: This article examines the administrative apparatus of Hòa Bình Province under French colonial rule, with a particular focus on the relationship between the French authorities and the traditional Muong *Lang đạo* (Quan lang) system before 1945. In addition to the French and Nguyễn dynastic administrative structures found in other northern provinces, Hòa Bình maintained the traditional governance system of the Muong people, headed by the *quan lang*. Despite limitations within this indigenous administrative structure, the French accepted and exploited the *Lang đạo* system to ensure social stability without investing significant colonial resources.

Keyword: Hoa Binh province, Lang dao system, quan lang

Ngày nhận bài: 9/6/2025; Ngày duyệt đăng: 20/10/2025

3. Mối quan hệ giữa chính quyền Pháp với quan lang

3.1. Mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chế độ lang đạo trong lịch sử

Trong lịch sử, mối quan hệ giữa chính quyền trung ương với chế độ lang đạo xứ Mường trải nhiều thăng trầm. Thời Lý, Trần, các lang đạo được coi là phiên thần, được ban tước vị (công, hầu, bá, tử, nam), được quyền tự trị, theo thông lệ ba năm triều cống một lần. Vua Trần tuần du lên vùng sông Đà các lang đạo đều ra vái chào, tiếp rước. Triều đình cho đúc nhiều trống đồng ban tặng và cho dân gian được trao đổi mua bán (26). Mối quan hệ giữa trung ương và lang đạo càng gắn bó hơn dưới thời Lê. Khi Lê Lợi dấy binh khởi nghĩa chống quân Minh, nhiều thổ tù đã cùng góp công chống giặc, sau này được vua Thái Tổ ghi nhận công lao. Vua Lê ban chức tước cho các thổ

ty, ban hành quy định giúp việc quản lý đất đai, thuế khóa trong các xứ Mường, bãi miễn cống nộp về triều đình như trước. Thời Minh Mệnh, mối quan hệ giữa triều đình với lang đạo xứ Mường trở nên căng thẳng vì vua Minh Mệnh muốn can thiệp sâu vào việc quản lý xứ Mường. Nhà vua đã ra chiếu chỉ muốn đình bãi Thổ lang, đặt ra các chức xã trưởng, phó lý, chánh tổng, tổ chức lại xứ Mường giống như làng xã vùng người Kinh. Nhưng chỉ một số ít xã ở Hòa Bình đặt việc quản trị làng xã theo quy định này. Ở nhiều nơi, cũng có xã trưởng, chánh tổng, chỉ là đặt ra cho đủ lệ, chứ lệnh vua chưa bãi nổi được lang, lòng dân chưa muốn dứt bỏ lang, mà cả lang và dân lại có ý bất bình oán hận quy định mới, mà lại muốn giữ gìn nếp cũ (27).

Theo Quách Điều, vua Minh Mệnh cấm không cho xưng chức Thổ tù, chỉ chuẩn cho

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

các lang được xưng thổ ty, vua chủ trương thay chế độ thế tập của lang đạo bằng việc bổ nhiệm người miền xuôi lên làm quan ở xứ Mường. Năm Minh Mệnh thứ 18, Lê Duy Lương, dòng dõi nhà Hậu Lê tập hợp các thổ ty, chống lại nhà Nguyễn, lập lại nhà Lê ở một số nơi trên đất Mường. Triều đình cho Hà Duy Phiên lên đánh dẹp. Các đầu đảng, quan lang gần bị tru di, đặc biệt châu Lạc Sơn bị thiệt hại nặng nhất. Dân Mường phải đem con cháu các nhà lang tìm chỗ trú ẩn, che giấu (28). Thời Tự Đức, vua cho phục hồi các vị trí thổ mục, được bổ các chức vụ lãnh binh, hiệp quản, phó cơ, đội... theo hệ thống chức vụ của triều đình, dựa vào đó tự lực tự cường phát triển quân lính, bảo vệ bờ cõi biên cương xứ Mường, cũng là nơi phen dậu của đất nước.

3.2. Thời Pháp thuộc: Ứng xử của chính quyền Pháp với quan lang

Thời Pháp thuộc, chính quyền Pháp tiếp tục duy trì chế độ lang đạo để giữ yên dân chúng, còn lập ra chức Chánh quan lang để quản tất cả các quan lang còn lại, thay đổi tổ chức xứ Mường từ phong kiến tản quyền sang tập quyền với sự can thiệp mạnh của chính quyền trung ương. Chính quyền Pháp chỉ cần dựa vào Chánh quan lang là quản được tất cả các quan lang khác, cũng là quản được cả xứ Mường Hòa Bình. Được chính quyền Pháp nhân nhượng và ưu đãi, dòng nhà lang gồm các họ Đinh, Quách, Bạch, Hà tiếp tục giữ các chức vụ cao nhất, từ Chánh quan lang, chánh phó tri châu, chánh phó tổng. Dân thường chỉ làm đến chức lý trưởng, phó lý, là những chức vụ mang tính đầu sai trong làng xã. Từ năm 1891 đến năm 1934, liên tục các họ Đinh, Quách làm Tuần phủ (Đinh Công Nhung, Đinh Công Xuân, Đinh Công Thịnh, Quách Vị, Đinh Công Xiển), sau đó mới có Dương Quý Biên là người không thuộc dòng họ

nhà lang được chính quyền Pháp bổ nhiệm làm Tuần phủ Hòa Bình.

Chủ trương dựa vào chế độ lang đạo để quản lý xã hội Mường, việc bổ nhiệm quan chức đầu tỉnh theo truyền thống tuyển chọn từ các quan lang gây nhiều khó khăn cho chính quyền Pháp vì nhiều quan lang không có trình độ, không phải qua các kỳ thi kiến thức như quan lại miền xuôi.

Báo cáo của Công sứ Hòa Bình nêu rõ: “Sự thiếu chuyên môn của các quan lại là một trở ngại nghiêm trọng đối với hoạt động bình thường của bộ máy hành chính. Đây là hệ quả của việc tuyển chọn các thổ lang trong số các vị đứng đầu các họ Mường. Hệ thống quan lại người Mường trên thực tế chỉ là hình thức bề ngoài. Họ tự xưng là quan tỉnh hay quan châu, nhưng hoàn toàn không biết cách tiến hành điều tra hoặc lập báo cáo. Để khắc phục tình trạng này, cần phải cử đến tỉnh này những viên chức người bản xứ thuộc ngạch hành chính bản xứ, đã có kinh nghiệm làm việc và thực hành thực tế về quản lý hành chính. Tôi nhận thấy rằng mỗi lần có sự thay đổi quan tỉnh hay quan châu, việc tìm người thay thế ngày càng trở nên khó khăn hơn. Việc thiếu ứng viên có đủ tiêu chuẩn chuyên môn và đạo đức khiến chính quyền buộc phải chấp nhận các lựa chọn ít lý tưởng, đôi khi thậm chí phải sử dụng những thành phần còn kém hơn” (29). Công sứ Pháp còn đề nghị không cần đến Tuần phủ ở tỉnh Mường và chỉ cần quan địa phương ở cấp châu/huyện. Đề xuất này đã không được thực hiện và vị trí Tuần phủ vẫn được duy trì.

Chánh quan lang (Quan lang đại diện) được lựa chọn bởi một Hội đồng gồm 12 quan lang, trong đó 6 người do tất cả các quan lang họp lại bầu ra - mỗi người đến từ một vùng khác nhau nhằm đảm bảo mọi

khu vực đều có đại diện trong hội đồng. 6 người còn lại do Công sứ Pháp chỉ định và bổ nhiệm. Hội đồng này còn được gọi là Hội đồng xứ Mường (Conseil du pays Muong), theo đúng truyền thống của Hội đồng bộ lão toàn mường (thầu ké háng mươn) thực thi quyền tiến cử, bãi miễn, xử tội và giám sát châu mường. Các thành viên của Hội đồng xứ Mường không nhận lương bổng, nhưng có thể được trao tặng các danh hiệu danh dự.

Việc bổ nhiệm Chánh quan lang, Phó quan lang và Đề đốc đều phải được sự phê chuẩn của Thống sứ Bắc Kỳ. Hội đồng xứ Mường, do viên Công sứ làm chủ tọa, chỉ xử lý các vấn đề chính trị và tư pháp liên quan đến vùng đất Mường. Tất cả những vị trí này bắt buộc phải lấy trong số các tri châu, vốn đều thuộc dòng quan lang, đa phần đều thuộc họ Đinh. Trong khi đó, những tri châu này lại không đáp ứng yêu cầu cho các vị trí đứng đầu tỉnh. Người thì ốm yếu, người thì lười biếng, thậm chí có người không biết đọc biết viết. Những người tương đối đủ tiêu chuẩn thì lại thiếu kỹ năng cần thiết về hành chính (30).

Ở Hòa Bình, Chánh quan lang tương đương chức Tuần phủ, nhưng quyền thế còn hơn các tỉnh khác. Theo Đặng Xuân Viện, dưới thời Pháp thuộc “dân Mường vẫn kính mến quan lang như bố mẹ, sợ hãi như ông thần. Con trai ông lang gọi là Lang trưởng, Lang Chu, Lang Chánh, Lang Mường; con gái gọi là mê nàng, măng nàng, nàng hai; Con quan lang, dân quý trọng coi như đức ông công chúa” (31).

Chính quyền Pháp luôn chỉ trích chế độ lang đạo nhưng họ phải dựa hoàn toàn vào chế độ này trong việc điều hành tỉnh Hòa Bình, trong đó có hoạt động thu thuế. Cho đến năm 1930, việc thu thuế ở Hòa Bình vẫn phụ thuộc vào các quan lang và tùy thuộc vào quan hệ giữa quan lang với chính quyền

Pháp và được coi là “tùy tiện và thất thường” (32). Để lấy lòng quan lang, chính quyền Pháp cấp giấy miễn thuế thân cho tất cả quan lang, là một việc trái quy định vì chỉ có các quan đầu tỉnh là Tổng đốc, Tuần phủ và Án sát mới có đặc quyền này (33).

Hiểu được quyền lực tối cao của các quan lang, chính quyền Pháp cho rằng “chỉ nên động chạm một cách khôn ngoan và chừng mực đến thể chế cổ xưa và mang tính gia trưởng này”. Quan lang làm nhiệm vụ xét xử và quyền lực của họ là tuyệt đối. Không có bộ luật thành văn nào, quan lang xử lý các tranh chấp theo ý mình, dựa trên phong tục truyền thống. Các phán quyết của họ là chung thẩm, không thể kháng cáo. Một quan lang chỉ có thể bị xét xử bởi một hội đồng các quan lang khác (34).

Vào những năm 1930, quyền của quan lang dù đã suy giảm nhưng uy tín của lang vẫn còn đậm nét. Dân bản vẫn còn sợ các vị chúa của mình. Các quan lang già sống ẩn dật giữa dân làng của họ, sống một cuộc đời khá thanh thản, và dành phần lớn thời gian nhàn rỗi cho săn bắn; yêu cầu của họ với dân làng cũng tương đối chừng mực. Thế hệ quan lang mới, lấy ví dụ như con của Quách Vị và Đinh Công Thịnh, hai Chánh quan lang cuối cùng, không còn khắt khe giữ gìn các tập tục cổ truyền nữa; họ dần chuyển sang sống theo lối sống phương Tây, tiêu xài xa xỉ (mua sắm quần áo đắt tiền, vũ khí săn bắn hiện đại...), và phương tiện giao thông hiện đại giúp họ dễ dàng đi Hà Nội để hưởng thụ đời sống hiện đại.

Tập tục Mường quy định rằng mọi chi phí, không ngoại lệ, của các quan lang đều do dân làng gánh chịu; điều đó khiến dân làng phải chi trả nhiều khoản vượt quá khả năng của họ, chẳng hạn như tiền đi lại khi quan lang đi Hà Nội bằng tàu hỏa với chi phí lên tới 5 đồng bạc cho một chuyến đi và

ít nhất là 4 đồng để trở về cùng với đồ đạc (do dân đóng góp nhưng chưa được quy định rõ ràng, dân phải tự xoay sở). Trong khi đó, lòng tham của các vị chúa trẻ lớn hơn nhiều so với cha ông họ; họ chỉ tiêu vượt quá khả năng đóng góp của dân, khiến dân bị áp lực, từ đó sinh ra tâm lý bất mãn, mất đi lòng kính trọng và tin tưởng với chúa của mình. Công sứ người Pháp nhận xét: “lạm quyền của các quan lang tất yếu sẽ dẫn đến sự sụp đổ của họ. Cùng với việc áp dụng những quy định mới về tổ chức làng xã, dân làng dần bớt sợ hãi, họ không còn e dè khi than phiền về các quan lang như trước kia, điều mà trước đây là rất hiếm” (35). Người dân đã làm đơn tố cáo chống lại các quan lang. Các Lý trưởng đã không ngần ngại đứng ra làm chứng chống lại quan lang, chẳng hạn chống lại lang Đình Công Huy, người đã biển thủ một phần thuế của làng (36).

Bản thân người Pháp cũng bất đồng ý kiến về vai trò của Chánh quan lang. Chẳng hạn, Công sứ Hòa Bình đã phàn nàn rất nhiều về những khổ sở mà người dân phải chịu dưới quyền cai quản của Chánh quan lang Đình Công Thịnh vốn có quyền lực lớn trong tỉnh Hòa Bình, được giữ chức Tuần phủ đến khi nghỉ hưu, các con trai đều giữ chức vụ cao trong tỉnh. Ông Công sứ viết rằng dân Lương Sơn là khổ cực nhất ở tỉnh Hòa Bình vì sự cai trị hà khắc của quan lang Đình Công Thịnh... Chính quyền đã hết sức sai lầm khi trao quyền cao nhất cho một gia đình chỉ có vị trí khiêm tốn trong cộng đồng Mường, rằng “gia đình này chỉ có quyền lực và tầm quan trọng khi họ được trao chức quyền; còn bản thân họ không được người dân yêu mến và không có uy tín trong nhân dân” (37). Nhưng Công sứ cũng phải thừa nhận rằng “Sẽ là ảo tưởng nếu tin rằng có thể quản lý xứ này mà không cần đến quyền lực của quan lang, một vị trí đã được hình

thành hàng thế kỷ ở đây... Nếu muốn xóa bỏ họ thì cũng là chống lại lợi ích của chính chúng ta” (38).

Công sứ Pháp đứng đầu tỉnh Hòa Bình giai đoạn 1927-1928 đã có một cái nhìn thực tế về quyền lực các quan lang. “Họ không có một vai trò chính trị lớn lao nào cả. Về mặt lý thuyết, họ là những người đứng đầu xã hội Mường. Tuy nhiên, ảnh hưởng của họ chỉ tồn tại trong khuôn khổ từng gia đình lớn của họ hoặc trong châu bản địa. Ảnh hưởng này không thể mở rộng ra toàn tỉnh được. Các lang không có tư cách pháp lý. Họ không có quyền gì cả ngoài ảnh hưởng đạo đức hoặc sự thừa nhận truyền thống từ phía dân chúng. Khi chính quyền Pháp đặt bộ máy cai trị, các lang đã không phản đối, mà còn tỏ ra hợp tác. Dân chúng, từ xưa tới nay quen phục tùng những người mạnh hơn, đã theo gương các lang và phục tùng người Pháp. Sự chinh phục của chúng ta do đó đã hoàn tất một cách dễ dàng, không đổ máu.

Nhưng sau giai đoạn đầu tiên ấy, các lang, khi bị loại ra khỏi quyền lực hành chính thực tế, đã dần dần rút lui vào trong làng của họ và không còn ảnh hưởng gì lớn nữa. Nếu đôi khi ta thấy họ can thiệp hoặc dấn thân vào các vấn đề hành chính, đó là khi lợi ích riêng của họ bị đụng chạm hoặc khi họ được các viên chức bản xứ tiếp tay - những người này thường bị ảnh hưởng bởi họ tin rằng mình được củng cố vị trí bằng cách dựa vào các lang.

Đôi khi, một số lang đặc biệt có ảnh hưởng trong làng của họ, họ đã thiết lập được mối quan hệ trực tiếp với các viên chức Pháp, và người ta lầm tưởng rằng họ vẫn còn ảnh hưởng như xưa, rằng họ vẫn có thể đại diện cho toàn thể người Mường. Quan niệm này là sai. Lang chỉ là một cá nhân đứng đầu một nhóm người trong châu của ông ta, giống như một trưởng tộc hơn là

một thủ lĩnh chính trị. Họ không đại diện cho toàn thể người Mường - và giữa các làng không hề có sự đoàn kết nào. Không có một tổ chức xã hội Mường nào có thể gọi là cấp tỉnh. Tỉnh Hòa Bình là một sáng tạo hoàn toàn của chính quyền Pháp. Việc tập hợp các châu thành một tỉnh là điều hoàn toàn mới, người dân vẫn chưa quen, và cho tới nay, việc liên kết giữa các châu với nhau gần như không tồn tại. Mỗi châu vẫn sống một cách biệt lập, không có quan hệ với châu bên cạnh, và cư dân của châu này rất ít khi vượt ra khỏi ranh giới hành chính của mình” (39).

Rõ ràng chính quyền Pháp cho rằng chế độ lang đạo chỉ phù hợp trong một cộng đồng nhỏ, nơi tất cả mọi người có mối quan hệ ràng buộc, hiểu rõ nhau và thân thiết của nhau, nơi mà các quan lang/thổ lang thể hiện được uy quyền cao nhất. Khi chế độ này áp dụng trong một tỉnh thì không còn phù hợp vì khó tìm ra một người đủ năng lực và uy tín cho tất cả các cộng đồng khác nhau trong tỉnh, đảm bảo cho sự phát triển chung của toàn tỉnh.

Số lượng quan lang, khoảng 100 người vào năm 1905, đến năm 1930 chỉ còn khoảng 60 người. Việc sáp nhập địa giới vào các tỉnh khác khiến một số quan lang mất quyền lực mà không được dân làng thay thế (40). Chính quyền Pháp một mặt muốn xóa bỏ chế độ quan lang để biến đổi toàn bộ xã hội Hòa Bình; mặt khác muốn dựa vào quan lang để dễ dàng quản lý xã hội. Họ nhận thấy rằng không cần xóa bỏ ngay lập tức chế độ quan lang hay bãi nhiệm ngay lập tức các quan lang hiện tại, cũng như không loại bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của các quan lại bản địa.

3.3. Tác động của cải lương hương chính ở Bắc Kỳ đến làng xã Hòa Bình

Cải cách làng xã Bắc Kỳ được chính quyền Pháp thúc đẩy thông qua các đợt cải

lương hương chính năm 1921, 1927 và 1941, hướng tới việc xây dựng một bộ máy quản lý làng xã để điều hành lĩnh vực ngân sách, an ninh trật tự, giáo dục, các hoạt động tế lễ theo phong tục làng xã. Ngày 12-8-1921, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành hai nghị định quan trọng liên quan đến cải cách: 1) Nghị định thiết lập bộ máy quản lý là Hội đồng tộc biểu, lựa chọn từ đại diện các dòng họ trong làng (41); 2) Nghị định về ngân sách các xã ở Bắc Kỳ (42). Ngày 25-2-1927, Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định thay thế Nghị định năm 1921, theo đó các làng xã lập Hội đồng kỳ mục có nhiệm vụ “góp ý cho các quyết nghị quan trọng của Hội đồng tộc biểu” (43). Nghị định năm 1927 có thêm một điều khoản là Hội đồng tộc biểu và Hội đồng kỳ mục có thể được thành lập ở các xã không có người Kinh (Điều 2, Nghị định ngày 25-2-1927) chẳng hạn những vùng người Mường, Thái, Tày, Nùng chiếm đa số. Năm 1941, vua Bảo Đại ra Dụ về việc xóa bỏ Hội đồng tộc biểu, chỉ duy trì Hội đồng kỳ mục ở làng xã Bắc Kỳ (44).

Trong khi các làng Bắc Kỳ tiến hành cải lương hương chính thì các làng ở Hòa Bình cũng tổ chức giống dưới miền xuôi. Theo Nghị định năm 1927, các làng người Mường, người Thái... cũng thành lập Hội đồng tộc biểu và Hội đồng kỳ mục, bầu ra lý trưởng, phó lý và hương hội lo việc trong làng. Các xã thực hiện các quy định về tổ chức làng xã và an ninh trong làng. Năm 1935, bản *Điều lệ tuần phòng của các xã trong tỉnh Hòa Bình* quy định lương xã tuần, trưởng xóm và tuần tráng do dân làng cấp cho bằng lúa. Tiên, thứ chỉ, kỳ mục, lý trưởng, phó lý phải làm biên bản cấp lúa cho tuần tráng. Xóm nào cũng phải có điểm canh. Vào buổi tối, làng xã phải bố trí người trông điểm canh. Tùy theo số đình, xóm nhỏ có 1 điểm, xóm to phải có 2 đến 3 điểm. Tất cả các điểm đều có biển

treo bên ngoài bằng chữ Quốc ngữ và chữ Nho. Ngoài cửa điểm phải có đèn treo thấp suốt đêm. Trong điểm có 1 cái giá để khí cụ tuần phòng như trống, mõ, tù và, đuốc, đôi mõ bằng dây thép, đầu quấn dẻ tẩm dầu; các loại vũ khí như giáo, mác, dao, gậy tre, tay thước và lá chắn đan bằng tre hoặc gỗ; các đồ cứu hoả như câu liêm, gầu, thùng đựng nước và ống bơm nước, thang tre... Những dụng cụ này làng phải tự bỏ tiền ra mua. Làng phải kê biên khí cụ để khi quan trên về kinh lý phải trình quan xem. Về mặt an ninh, làng chịu sự giám sát của Chánh tổng, Phó tổng; trên nữa là các quan châu và tuần châu (45).

Ở tỉnh Hòa Bình, chính quyền Pháp tìm cách tăng cường quyền lực của hương hội nhằm quản lý làng xã nhưng sự thay đổi chỉ diễn ra rất hạn chế, quyền lực tuyệt đối ở nhiều làng xã vẫn thuộc về các lang.

Báo cáo năm 1921 của Công sứ Hòa Bình nhấn mạnh: “Các tù trưởng phong kiến Mường gọi là quan lang hay đúng hơn là thổ lang (chúa đất) có ảnh hưởng lớn. Theo đánh giá của người Pháp, các tỉnh lân cận như Ninh Bình, Hà Nam, Hà Đông, Sơn Tây, Phú Thọ, Sơn La cũng có các quan lang nhưng quyền lực của họ kém hơn nhiều so với quan lang tỉnh Mường.

Người dân vẫn tuân phục ông Chánh quan lang và người Pháp phải dựa vào Chánh quan lang để thu phục dân Mường. Đối với người Mường, chính quyền Pháp là một cái gì đó xa vời, không có ảnh hưởng tới đời sống cộng đồng của họ, người dân dựa vào quan lang của họ, người mà họ thể hiện sự trung thành tuyệt đối” (46).

Năm 1922, trong báo cáo gửi lên Thống sứ Bắc Kỳ về tình hình ở Hòa Bình, Công sứ Hòa Bình là Louis nhận định rằng: “ảnh hưởng của người Pháp đối với Hòa Bình không có gì tiến triển” (47). Ông

Louis cũng giải thích sự trì trệ của Hòa Bình là do chế độ “phong kiến” đã được quy định trong Nghị định ngày 23-6-1892 về tỉnh Mường, theo đó Điều 1 quy định: chính quyền bản địa của tỉnh Mường được thay thế bằng chính quyền đặc biệt, dành riêng cho người Mường; Điều 8 quy định: “Mỗi quan lang của xứ Mường chịu trách nhiệm quản lý một phần đất đai cha truyền con nối” (48). Điều này có thể được hiểu là quan lang được bảo đảm đất đai như trước nhưng quyền lực phải theo hệ thống hành chính của Pháp và của triều đình. Trên thực tế, quan lang vẫn có quyền lực như cũ và việc bổ nhiệm các quan người Việt có đủ điều kiện theo quy định vẫn gặp nhiều cản trở.

4. Kết luận

Tỉnh Hòa Bình được thành lập theo Nghị định ngày 27-7-1886 của Tổng trú sứ Paul Bert, ban đầu có tên tỉnh Mường, Phương Lâm và chính thức có tên tỉnh Hòa Bình năm 1899, là địa bàn cư trú của người Mường, người Kinh, người Thái, người Dao, người Hoa, trong đó người Mường chiếm đa số (hơn 90% dân số). Chính quyền Pháp đã sớm tổ chức bộ máy hành chính tỉnh gồm cơ quan quản lý của Pháp đứng đầu là Công sứ, và cơ quan hành chính bản xứ đứng đầu là Chánh quan lang/Tuần phủ. Kinh lược Bắc Kỳ đã cảnh báo cho chính quyền Pháp rằng ở xứ Mường, theo truyền thống, không có người đứng đầu một tỉnh mà chỉ có các quan lang/thổ lang đứng đầu một chòm, một nhóm cư dân, nơi quan lang nắm uy quyền tuyệt đối. Việc lựa chọn người cai quản các quan lang có thể gây ra sự phản đối của các quan lang khác. Năm 1892, chính quyền Pháp ban hành Nghị định về việc tuyển chọn Chánh quan lang và chế độ quan lang, trong đó chấp nhận quan lang thế tập cha truyền con nối.

Trong quá trình chuyển từ chế độ phong kiến tản quyền của xứ Mường sang chế độ hành chính tập trung, chính quyền Pháp phải thực hiện nhiều nhượng bộ với chế độ lang đạo - một mặt duy trì quyền lực tối cao của Chánh quan lang và các quan lang, duy trì quyền lực của các họ nhà lang; mặt khác tiến hành thay đổi bộ máy hành chính làng xã theo các đợt cải lương hương chính ở Bắc Kỳ. Trong khi chỉ trích

sự yếu kém của các quan lang, và sự trì trệ của chế độ lang đạo mang đậm dấu ấn của thể chế phong kiến, chính quyền Pháp vẫn phải dựa vào quyền lực của họ để thu thuế, giữ gìn an ninh trật tự. Rõ ràng, với nguồn lực hạn chế về nhân lực và tài chính, chính quyền Pháp vẫn phải dành nhiều ưu đãi cho các quan lang, dựa dẫm vào họ để tiến hành khai thác thuộc địa ở tỉnh Hòa Bình.

CHÚ THÍCH

(26), (28). Quách Điều, “Hòa Bình Quan lang sử lược”, *Nam Phong tạp chí*, số 100, 1925, tr. 357, 358.

(27). Nguyễn Văn Ngọc, 1925, sđd, tr.424.

(29). Trung tâm lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) I, Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ RST 68432, tldd.

(30). TTLTQG I, Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, RST 36558 (13) - Rapport annuel sur la situation général de la province de Hoa Binh du 1^{ère} Juillet 1924 au 30 Juin 1925.

(31). Đặng Xuân Viện, “Phong tục Hoà Bình”, *Nam Phong tạp chí*, số 156, 1930, tr.479.

(32). Báo cáo của Công sứ Pháp năm 1933, xem RST 68432, tldd.

(33). Báo cáo của Công sứ Pháp năm 1933 bày tỏ sự ngạc nhiên là tất cả quan lang ở Hòa Bình đều có giấy miễn thuế, xem RST 68432.

(34). Pierre Grossin, sđd, tr.50.

(35), (36), (37), (38), (40). RST-68432, tldd.

(39). TTLTQG I, Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, RST 36570-2- Rapports annuels sur la situation générale des provinces de Ha Nam, Hanoi, Hai Duong, Haiphong, Hoa Binh, Hung Yen et Kien An au Tonkin.

(41), (42). Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. TTLTQG I, *Cải lương hương chính qua tài liệu và*

tư liệu lưu trữ, “Nghị định số 1949 ngày 12 tháng 8 năm 1921 của Thống sứ Bắc Kỳ về việc cải lương hương chính ở Bắc Kỳ”, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017, tr.99-111, 111-116.

(43). Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. TTLTQG I, *Cải lương hương chính qua tài liệu và tư liệu lưu trữ*, “Nghị định ngày 25 tháng 2 năm 1927 của Thống sứ Bắc Kỳ sửa đổi một số điều của Nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 về tổ chức Hội đồng kỳ mục ở Bắc Kỳ”, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017, tr.206-221.

(44). Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. TTLTQG I, *Cải lương hương chính qua tài liệu và tư liệu lưu trữ*, RST 81417- Tổ chức lại làng xã ở Bắc Kỳ năm 1940-1942”, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017, tr.244-270.

(45). *Các điều lệ tuần phòng của các xã trong tỉnh Hoà Bình*, 1935, Hà Nội: Imprimerie Le Van Tan.

(46). TTLTQG I, Phòng Phủ Thống sứ Bắc Kỳ RST-36542-10 “Rapport annuel sur la situation général des provinces de Hoa Binh, Hung Yen, Kien An de 1920 à 1921”.

(47). RST 36544-1 “Rapport annuel sur la situation générale de la province de Hoa Binh du 1^{ère} Juillet 1921 au 30 Juin 1922”.

(48). RST 36544-1, tldd.